

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 30/10/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Lê Mai Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nhã	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 08 năm 2018)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên
Bà Lê Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

3011
CÔ
SÁCH
HÃNG
/
YOA

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Đình Thọ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

03
GT
EM
KIẾ
A
KIẾ



Số: 200319.005 /BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5 cho thấy Công ty đang phản ánh khoản nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị học tập từ năm 2017 trở về trước của khách hàng lẻ tại hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" với số tiền là 5.013.888.150 VND, số dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng là 1.504.166.444 VND. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này nên không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Tại Báo cáo kiểm toán số 203/2018/BCKT-AAC ngày 10 tháng 03 năm 2018, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản công nợ phải thu hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết liên quan đến khoản công nợ này.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3363-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.338.361.142	59.011.886.092
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.312.701.325	11.480.046.210
111	1. Tiền		13.312.701.325	11.480.046.210
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.409.139.795	20.572.898.211
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.864.470.700	20.750.852.114
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	802.721.086	174.737.192
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	323.958.168	171.248.017
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.582.010.159)	(523.939.112)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.696.807.195	25.420.184.426
141	1. Hàng tồn kho		14.889.650.447	30.374.116.339
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.192.843.252)	(4.953.931.913)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		856.492.827	1.475.537.245
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	856.492.827	1.210.667.090
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	264.870.155
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.199.770.302	24.776.105.721
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.948.656.381	5.858.209.381
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.948.656.381	5.858.209.381
220	II. Tài sản cố định		14.845.897.306	620.840.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.946.760.459	620.840.208
222	- Nguyên giá		19.062.837.721	4.009.819.503
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.116.077.262)	(3.388.979.295)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	899.136.847	-
228	- Nguyên giá		956.528.561	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.391.714)	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.256.305.000	5.153.230.908
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.680.680.000	5.212.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(424.375.000)	(59.269.092)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		148.911.615	13.143.825.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	148.911.615	13.143.825.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		73.538.131.444	83.787.991.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.385.723.803	22.459.436.889
310	I. Nợ ngắn hạn		8.385.723.803	22.459.436.889
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.133.697.433	14.713.410.517
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	721.626.205	3.471.169.528
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	559.488.885	559.203.441
314	4. Phải trả người lao động		4.110.103.719	1.279.874.197
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	536.866.961	475.710.849
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	675.714.408	720.227.165
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		648.226.192	1.239.841.192
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		65.152.407.641	61.328.554.924
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	65.152.407.641	61.328.554.924
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.983.567.543	2.225.601.519
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.157.259.577	1.157.259.577
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.011.580.521	7.945.693.828
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		1.187.727.804	1.978.409.093
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		8.823.852.717	5.967.284.735
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		73.538.131.444	83.787.991.813



Bùi Thị Thu
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019


Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng

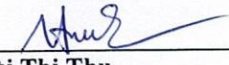

Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc




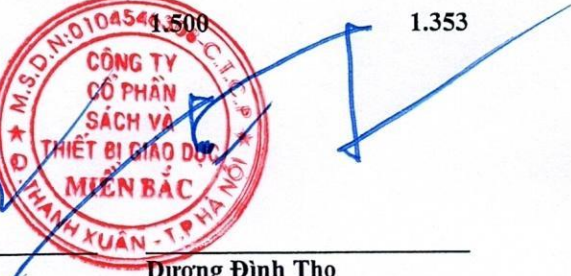
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	372.483.961.782	353.569.554.404
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		372.483.961.782	353.569.554.404
11	3. Giá vốn hàng bán	20	327.842.677.245	312.045.291.557
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.641.284.537	41.524.262.847
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.496.037.849	400.016.270
22	6. Chi phí tài chính	22	365.105.908	231.946.051
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	8.246.959
25	7. Chi phí bán hàng	23	19.032.800.953	18.588.878.480
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	15.189.273.984	12.809.492.091
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.550.141.541	10.293.962.495
31	10. Thu nhập khác		2.185	357
32	11. Chi phí khác		509.216.029	57.552.304
40	12. Lợi nhuận khác		(509.213.844)	(57.551.947)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.040.927.697	10.236.410.548
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	2.217.074.980	2.280.030.903
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.823.852.717	7.956.379.645
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.500	1.353


Bùi Thị Thu
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019


Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.040.927.697	10.236.410.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.429.856.814	1.335.799.787
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.263.806.369	669.228.491
03	- Các khoản dự phòng		1.662.088.294	1.058.340.607
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.496.037.849)	(400.016.270)
06	- Chi phí lãi vay		-	8.246.959
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.470.784.511	11.572.210.335
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.280.110.524	6.026.822.237
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.484.465.892	(4.640.091.772)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.477.215.385)	(3.556.628.342)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		852.688.405	688.344.638
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	675.300.000
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(8.246.959)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.221.957.681)	(2.138.196.531)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(591.615.000)	(1.585.433.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.797.261.266	7.034.080.274
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.992.464.000)	(89.391.634)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.583.180.000)	432.000.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.231.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		380.037.849	147.216.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.035.393.849	489.824.636
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	3.980.669.630
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.980.669.630)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)


(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		16.832.655.115	2.523.904.910
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.480.046.210	8.956.141.300
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.312.701.325</u>	<u>11.480.046.210</u>


Bùi Thị Thu
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019


Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/10/2017.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm,...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có

111
CƠ
SÁCH
HÀNG
HO

khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

35-
STY
EMH
KIEN
IA
VKI

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Chi phí tài chính

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



2.20. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	74.066.721	244.595.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.238.634.604	11.235.450.710
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	-
	<u>28.312.701.325</u>	<u>11.480.046.210</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 4,3%/năm.

M.S.D. N

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2018			01/01/2018		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu		63.220.000	89.600.000	-	63.220.000	94.720.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾	EID	63.220.000	89.600.000	-	63.220.000	94.720.000	-
		63.220.000	89.600.000	-	63.220.000	94.720.000	-

⁽ⁱ⁾Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 28/12/2018 trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2018			01/01/2018		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác		1.680.680.000	788.125.000	(424.375.000)	5.212.500.000	1.564.125.000	(59.269.092)
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾	EPH	1.212.500.000	788.125.000	(424.375.000)	1.212.500.000	1.564.125.000	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾		468.180.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản và Thiết bị giáo dục Việt Nam		-	-	-	4.000.000.000	-	(59.269.092)
		1.680.680.000	788.125.000	(424.375.000)	5.212.500.000	1.564.125.000	(59.269.092)

⁽ⁱ⁾ Giá trị hợp lý của cổ phiếu EPH được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại ngày 28/12/2018.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,9%	4,9%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Giang	Hà Giang	12,6%	12,6%	Phát hành sách giáo dục, thiết bị giáo dục

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác:

- Theo nghị quyết số 02/HĐQT ngày 11 tháng 2 năm 2018 Hội đồng quản trị nhất trí thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản và Thiết bị giáo dục Việt Nam để sử dụng vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 08/03/2018, Công ty đã thực hiện giao dịch bán 400.000 cổ phần cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 4.000.000.000 đồng, giá trị thu hồi 4.000.000.000 đồng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn (trên 10% số dư khoản mục)				
- Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu ⁽ⁱ⁾	5.013.888.150	(1.504.166.444)	5.130.883.050	(53.886.148)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	1.467.228.102	-	607.789.675	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Giang	-	-	3.206.641.015	(362.419.250)
b) Các khoản phải thu khách hàng khác				
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	6.383.354.448	(77.843.715)	11.805.538.374	(107.633.174)
	12.864.470.700	(1.582.010.159)	20.750.852.114	(523.938.572)
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	229.981.708	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

⁽ⁱ⁾ Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Hiện nay, Cơ quan chức năng đang điều tra để xác định lại số dư công nợ và trách nhiệm của các cá nhân có liên quan.

117
ĐƠN
TÍNH
NGY
A
ĐƠN

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Mai Nhị Hà	500.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	302.721.086	-	174.737.192	-
	802.721.086	-	174.737.192	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	-	-	32.921.610	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	219.028.000	-	127.800.000	-
Phải thu khác	104.930.168	-	43.448.017	-
	323.958.168	-	171.248.017	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	5.898.656.381	-	5.808.209.381	-
- Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	5.798.656.381	-	5.708.209.381	-
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000	-	100.000.000	-
	5.948.656.381	-	5.858.209.381	-

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản góp vốn của Công ty theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội và một số đơn vị khác thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Ngày 22/06/2018 và ngày 09/08/2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương xử lý dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Đến nay, Công ty và các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng dự án theo chủ trương nêu trên.

⁽ⁱⁱ⁾ Đây là khoản góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn góp dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm này, dự án chưa được triển khai.

5-C
TY
HUU
EMT
ASI
EM

8. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang	5.013.888.150	3.509.721.706	5.130.883.050	5.076.996.902
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Giang	-	-	1.208.064.165	845.645.454
Công ty CP Quốc tế Việt Kim Long	155.687.427	77.843.712	215.267.427	107.633.174
	5.169.575.577	3.587.565.418	6.554.214.642	6.030.275.530

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.811.957.456	-	9.907.606.659	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	583.876.836	-	365.698.001	-
Thành phẩm	4.442.994.676	(1.079.613.893)	4.982.278.662	(1.009.568.006)
Hàng hoá	5.050.821.479	(4.113.229.359)	14.857.644.397	(3.944.363.907)
	14.889.650.447	(5.192.843.252)	30.374.116.339	(4.953.931.913)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018 là 5.727.225.314 VNĐ. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với những mặt hàng này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT chờ kết chuyển	716.704.927	1.173.287.090
- Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	139.787.900	37.380.000
	856.492.827	1.210.667.090
b) Dài hạn		
- Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty	148.911.615	647.425.757
- Chi phí nhận chuyển nhượng văn phòng (*)	-	12.496.399.467
	148.911.615	13.143.825.224

(*) Chi phí nhận chuyển nhượng 389,7m² sàn văn phòng tại Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội được Công ty điều chỉnh phân loại sang TSCĐ trong năm (chi tiết tại Thuyết minh số 11).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	3.292.978.465	343.287.882	373.553.156	4.009.819.503
- Mua trong năm	-	2.884.000.000	70.464.000	38.000.000	2.992.464.000
- Tăng do phân loại lại (*)	12.060.554.218	-	-	-	12.060.554.218
Số dư cuối năm	12.060.554.218	6.176.978.465	413.751.882	411.553.156	19.062.837.721
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	2.765.404.098	339.413.675	284.161.522	3.388.979.295
- Khấu hao trong năm	241.211.085	912.494.022	35.191.540	55.779.151	1.244.675.798
- Tăng do phân loại lại (*)	482.422.169	-	-	-	482.422.169
Số dư cuối năm	723.633.254	3.677.898.120	374.605.215	339.940.673	5.116.077.262
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	527.574.367	3.874.207	89.391.634	620.840.208
Tại ngày cuối năm	11.336.920.964	2.499.080.345	39.146.667	71.612.483	13.946.760.459

(*) Đây là nguyên giá và khấu hao của TSCĐ hữu hình là 389,7m² sàn văn phòng Công ty nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 207C1/HĐCNVP/HANDICO6, được điều chỉnh từ chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" do đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ (Thuyết minh 10). Tổng giá trị chuyển nhượng của tài sản là 13.017.082.779 VND, trong đó:

- + Giá trị tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc có nguyên giá 12.060.554.218 VND và khấu hao lũy kế tại thời điểm 01/01/2018 là 482.422.169 VND.
- + Giá trị tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có nguyên giá 956.528.561 VND và khấu hao lũy kế tại thời điểm 01/01/2018 là 19.130.571 VND (Thuyết minh số 12).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2018 là 2.865.279.136 VNĐ.

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Số chi phí khấu hao cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là: 471.905.679 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản vô hình của đơn vị là quyền sử dụng đất phát sinh từ việc Công ty nhận chuyển nhượng 389,7m² sàn văn phòng tại Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với nguyên giá là 956.528.561 VND. Giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2018 là 57.391.714 VND, trong đó giá trị khấu hao trong năm 2018 là 38.261.143 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 11).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH ST Thành Trung	254.810.381	254.810.381	-	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	-	8.084.556.431	8.084.556.431
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	70.504.985	70.504.985	1.548.359.437	1.548.359.437
- Phải trả cho các đối tượng khác	808.382.067	808.382.067	5.080.494.649	5.080.494.649
	1.133.697.433	1.133.697.433	14.713.410.517	14.713.410.517
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)				
	242.289.668	242.289.668	10.224.063.764	10.224.063.764

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Vĩnh Phúc
- Các trường học mua thiết bị dự án tại Sơn La
- Người mua trả tiền trước các đối tượng khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	164.197.636	-
	-	3.440.881.000
	557.428.569	30.288.528
	721.626.205	3.471.169.528

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		-	130.555.908	125.100.473	-	5.455.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	551.957.681	2.217.074.980	2.221.957.681	-	547.074.980
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.245.760	603.894.081	604.181.371	-	6.958.470
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	559.203.441	2.956.524.969	2.956.239.525	-	559.488.885

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Phí tổ chức bàn thảo	432.070.761	473.086.529
Chi phí phải trả khác	104.796.200	2.624.320
	<u>536.866.961</u>	<u>475.710.849</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	86.475.554	72.437.598
Phải trả khác	589.238.854	647.789.567
- Hoa hồng môi giới	541.702.055	525.424.780
- Phải trả sau quyết toán vật tư	35.736.602	122.364.787
- Các khoản phải trả khác	11.800.197	-
	<u>675.714.408</u>	<u>720.227.165</u>

CHỖ
CHỮ
HẠN
TOÁN
C
TP. HT

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	1.827.782.537	759.440.595	6.978.409.093	59.565.632.225
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.956.379.645	7.956.379.645
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	397.818.982	-	(397.818.982)	-
Tạm trích lập Quỹ khác thuộc vốn CSH ⁽¹⁾	-	-	397.818.982	(397.818.982)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	(1.193.456.946)	(1.193.456.946)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	2.225.601.519	1.157.259.577	7.945.693.828	61.328.554.924
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	2.225.601.519	1.157.259.577	7.945.693.828	61.328.554.924
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.823.852.717	8.823.852.717
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2016 ⁽²⁾	-	790.681.289	-	(790.681.289)	-
Trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2017 ⁽³⁾	-	967.284.735	-	(967.284.735)	-
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	3.983.567.543	1.157.259.577	10.011.580.521	65.152.407.641

⁽¹⁾ Tạm trích các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

⁽²⁾ Trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển do số đã tạm trích trong năm 2016 thấp hơn so với phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Năm 2017 đơn vị chưa thực hiện trích nên thực hiện trích bổ sung vào năm 2018.

⁽³⁾ Trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển do số đã tạm trích trong năm 2017 thấp hơn so với phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.



Theo nghị quyết số 07/NQ-ĐHCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		7.956.379.645
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	397.818.982
Trích Quỹ khen thưởng CBCNV	5,00%	397.818.982
Trích Quỹ phúc lợi	5,00%	397.818.982
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5,00%	397.818.982
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	17,16%	1.365.103.717
Chi trả cổ tức (trương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000 đồng)	62,84%	5.000.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00%	23.000.000.000	46,00%
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00%	27.000.000.000	54,00%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	3.983.567.543	2.225.601.519
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.157.259.577	1.157.259.577
	5.140.827.120	3.382.861.096

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	315.010.087.168	284.615.545.802
Doanh thu bán thành phẩm	57.473.874.614	68.954.008.602
	372.483.961.782	353.569.554.404
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	11.892.882.334	16.726.405.286

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	296.531.714.612	266.998.438.376
Giá vốn của thành phẩm đã bán	31.072.051.294	46.880.368.765
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	238.911.339	(1.833.515.584)
	327.842.677.245	312.045.291.557

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	250.467.849	18.286.270
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	1.116.000.000	252.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.570.000	128.930.000
	1.496.037.849	400.016.270

(*)Khoản lãi phát sinh từ việc chuyển nhượng 310.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình với giá gốc 16.500 đồng/cổ phần và giá chuyển nhượng là 20.100 đồng/cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2018/HĐCNCP ngày 05 tháng 12 năm 2018. Đây là số cổ phần Công ty đã mua thành công theo hình thức đấu giá cổ phần vào ngày 06/11/2018.

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	8.246.959
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	376.890.000
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	365.105.908	(153.190.908)
	365.105.908	231.946.051

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.372.829	15.278.136
Chi phí nhân công	8.349.159.909	7.455.002.776
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	366.043.126	327.798.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	612.057.900	364.882.921
Thuế, phí và lệ phí	35.218.971	956.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.629.584.959	8.059.163.920
Chi phí khác bằng tiền	3.033.363.259	2.365.796.543
	19.032.800.953	18.588.878.480

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.374.318.865	5.354.706.512
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	526.365.295	280.300.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	651.748.469	44.003.914
Thuế, phí và lệ phí	12.227.554	5.512.200
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	1.058.071.047	(621.984.069)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.233.890	1.354.383.874
Chi phí khác bằng tiền	6.412.308.864	6.392.569.224
	15.189.273.984	12.809.492.091

CHỖ
CHỮ
KÝ
HỌ TÊN
QUẢN LÝ

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.040.927.697	10.236.410.548
Các khoản điều chỉnh tăng	818.277.067	652.307.858
- Các khoản tiền phạt thuế, thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	818.277.067	652.307.858
Các khoản điều chỉnh giảm	773.829.862	128.930.000
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	129.570.000	128.930.000
- Thu nhập đã tính thuế năm trước theo kết quả Kiểm tra thuế	644.259.862	
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.085.374.902	10.759.788.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.217.074.980	2.151.957.681
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	128.073.222
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	551.957.681	410.123.309
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.221.957.681)	(2.138.196.531)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	547.074.980	551.957.681

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.823.852.717	7.956.379.645
Các khoản điều chỉnh :	1.323.577.908	1.193.456.946
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	1.323.577.908	1.193.456.946
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.500.274.809	6.762.922.699
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.500	1.353

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.242.639.081	11.580.264.108
Chi phí nhân công	13.723.478.774	12.809.709.288
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	892.408.421	608.098.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.263.806.369	408.886.835
Thuế, phí và lệ phí	47.446.525	6.468.222
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	1.058.071.047	(621.984.069)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.215.289.061	29.788.553.872
Chi phí khác bằng tiền	9.529.881.802	8.758.365.767
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	64.973.021.080	63.338.362.621

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.312.701.325	-	11.480.046.210	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.137.085.249	(1.582.010.159)	26.780.309.512	(523.939.112)
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	63.220.000	-
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	(424.375.000)	1.212.500.000	-
	48.725.506.574	(2.006.385.159)	39.536.075.722	(523.939.112)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.809.411.841	15.433.637.682
Chi phí phải trả	536.866.961	475.710.849
	2.346.278.802	15.909.348.531

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

5100
C
TRÁCH
TỔNG
A
ANK

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	788.125.000	-	788.125.000
Cộng	63.220.000	788.125.000	-	851.345.000
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
Cộng	63.220.000	1.212.500.000	-	1.275.720.000

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.312.701.325	-	-	28.312.701.325
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.606.418.709	5.948.656.381	-	17.555.075.090
Cộng	39.919.120.034	5.948.656.381	-	45.867.776.415
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.480.046.210	-	-	11.480.046.210
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.398.161.019	5.858.209.381	-	26.256.370.400
Cộng	31.878.207.229	5.858.209.381	-	37.736.416.610

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.809.411.841	-	-	1.809.411.841
Chi phí phải trả	536.866.961	-	-	536.866.961
	2.346.278.802	-	-	2.346.278.802
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.433.637.682	-	-	15.433.637.682
Chi phí phải trả	475.710.849	-	-	475.710.849
	15.909.348.531	-	-	15.909.348.531

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		11.892.882.334	16.726.405.286
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh	Cùng cổ đông lớn	11.815.995.554	14.745.907.924
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Cùng cổ đông lớn	76.886.780	198.488.562
- Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng cổ đông lớn	-	1.782.008.800
Mua hàng hóa		275.860.258.275	265.604.742.790
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	275.860.258.275	265.604.742.790

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		229.981.708	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	229.981.708	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		242.289.668	10.224.063.764
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	-	8.084.556.431
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	70.504.985	1.548.359.437
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Cùng cổ đông lớn	87.502.624	-
- Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng cổ đông lớn	51.200.000	47.448.830
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng cổ đông lớn	24.500.000	24.500.000
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cổ đông lớn	8.582.059	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	-	341.069.438
- Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	-	46.497.670
- Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng cổ đông lớn	-	7.852.650
- Công ty CP Bản Đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng cổ đông lớn	-	123.779.308
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	32.921.610
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	-	32.921.610

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	351.082.325	620.771.502
Thu nhập của HĐQT và các Phó Tổng Giám đốc	810.675.520	869.126.730

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.



Bùi Thị Thu

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019


Bùi Thị Thu Lan

Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ

Tổng Giám đốc

